

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 153/2022/HS-ST

Ngày: 24-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Văn Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Thu Hương

2. Ông Dương Hải Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Phú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Đăng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 132/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ**, tên gọi khác: không; sinh ngày 12 tháng 7 năm 1992, tại: Hải Phòng; nơi ĐKKHKT: thôn A, xã B, huyện C, thành phố D; Chỗ ở hiện nay: đường A, Phường B, thành phố C, tỉnh D; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 và Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1970; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con lớn trong gia đình, nhỏ nhất sinh năm 2005; Vợ: Mai Thị L, sinh năm 1990 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam ngày 11/10/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Đức H**, tên gọi khác: không; sinh ngày 15 tháng 5 năm 2002, tại: Hải Phòng; nơi ĐKKHKT: đường A, Phường B, thành phố C, tỉnh D; Chỗ ở hiện nay: đường A, Phường B, thành phố C, tỉnh D; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 và Vũ

Thị Thu H, sinh năm: 1974; gia đình có 02 chị em, lớn sinh năm 1992, nhỏ là bị cáo; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam ngày 11/10/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Sỹ M**, tên gọi khác: không; sinh ngày 03 tháng 3 năm 1998, tại: Thanh Hóa; nơi ĐKHKTT: tổ dân phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh D; Chỗ ở hiện nay: đường A, Phường B, thành phố C, tỉnh D; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Sỹ Ngh, sinh năm 1972 và Nguyễn Thị H, sinh năm: 1975; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; tiền án: Tại bản án số 33/2018/HSST, ngày 22/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt Nguyễn Sỹ M 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo chấp hành hình phạt tù tại trại giam Thanh Phong đến ngày 30/12/2019 thì chấp hành xong, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam ngày 11/10/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Lê Văn Tr**, tên gọi khác: không; sinh ngày 04 tháng 4 năm 1994, tại: Thanh Hóa; nơi ĐKHKTT: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D; Chỗ ở hiện nay: đường A, Phường B, thành phố C, tỉnh D; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Văn H, sinh năm 1956 (chết) và Trần Thị N, sinh năm: 1958; gia đình có 05 anh em, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam ngày 11/10/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, tên gọi khác: không; sinh ngày 28 tháng 02 năm 2001, tại: Thanh Hóa; nơi ĐKHKTT: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D; Chỗ ở hiện nay: đường A, Phường B, thành phố C, tỉnh D; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973 và Nguyễn Thị H, sinh năm: 1977; gia đình có 02 anh em, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ là bị cáo; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam ngày 11/10/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt. Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Lê Văn H**, tên gọi khác: không; sinh ngày 07 tháng 02 năm 2002, tại: Thanh Hóa; nơi ĐKHKTT: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D; Chỗ ở hiện nay: đường A, Phường B, thành phố C, tỉnh D; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Văn Th, sinh năm 1975 và Trịnh Thị Nh, sinh năm:

1977; gia đình có 02 anh em, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ là bị cáo; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam ngày 11/10/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lê Thị Phương D, sinh năm 2002. Trú tại: đường A, Phường B, thành phố C, tỉnh D. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị Cao Thị Ngọc L, sinh năm 1989. Trú tại: đường A, Phường B, thành phố C, tỉnh D. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 2001. Trú tại: đường A, Phường B, thành phố C, tỉnh D. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

- Chị Trần Thị Hạnh Ph, sinh năm 1993. Trú tại: đường A, Phường B, thành phố C, tỉnh D, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Đức H là các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 09/10/2021, Đ nhắn tin qua tài khoản zalo của y để bàn bạc mua ma túy và tìm địa điểm để sử dụng thì H đồng ý, sau đó cả hai thống nhất rủ thêm bạn gái của Đ là Trần Thị Hạnh Ph tới cùng sử dụng ma túy. Sau khi bàn bạc xong, Đ liên lạc qua mạng xã hội Facebook cho một đối tượng tên D có tài khoản tên “Công Dũng” để mua 02 viên thuốc lắc và 01 gói Ketamine thì D đồng ý và báo giá tiền là 3.900.000 đồng, một lúc sau D mang ma túy lên phòng trọ tại đường A, phường B, thành phố C cho Đ rồi Đ chuyển khoản số tiền 3.900.000 đồng cho D. Sau khi mua được ma túy, Đ nhắn tin cho bạn là Nguyễn Thị Diệu Th để mượn 01 phòng của khách sạn A của Th ở số đường A, phường B, thành phố C ở một vài ngày thì Th đồng ý (do khách sạn đang đóng cửa nên Th đồng ý). Chiều ngày 10/10/2021, Đ mang theo vali bên trong đó có loa, đèn chớp, thùng máy tính, 01 màn hình máy tính, 01 bàn phím, 01 chuột máy tính, 02 ổ cắm điện đến phòng số 201 khách sạn A cùng với H lắp đặt. Sau khi lắp đặt máy tính, loa, đèn xong thì Đ bỏ ma túy ra rồi pha 01 viên thuốc lắc vào chai CocaCola rồi lấy một đĩa sứ, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng và cuộn lại thành dạng ống hút, đồng thời lấy ra 01 thẻ ngân hàng để cả mình ketamine để Đ và H cùng sử dụng, còn H thì lấy USB chứa nhạc mang theo cắm vào máy tính để mở nhạc cho cả hai cùng nghe và sử dụng ma túy. Đến 21 giờ cùng ngày, Trần Thị

Hạnh Ph (bạn gái của Đ) đi tới khách sạn thì Đ đưa chai nước có chứa thuốc lắc cho Ph uống, đồng thời đưa đĩa sứ có Ketamine cho Ph sử dụng.

Trong thời gian này tại quán A đường N đường A, phường B, thành phố C có Lê Văn Tr; Nguyễn Văn L; Nguyễn Sỹ M và Lê Văn H, đang ăn uống cùng với Lê Thị Phương D, Cao Ngọc L và Nguyễn Thị Hồng Đ. Sau đó, M rủ Tr, L, H cùng đi sử dụng ma túy thì cả 04 đồng ý rồi Tr liên hệ đặt phòng, L liên hệ mua ma túy hết bao nhiêu tiền hôm sau cả 04 sẽ chia đều. Sau khi đã bàn bạc thống nhất thì Tr gọi điện cho Đ hỏi đang ở đâu, thì Đ trả lời “*anh đang đi bay*”, sau đó Tr tắt máy và nhắn tin cho Đ với nội dung “*Để em phòng nhé phòng nhỏ cũng được có 5 anh em, thêm tay vịn nữa anh ạ*”, thì Đ nhắn địa chỉ khách sạn A cho Tr biết, tiếp đó L liên hệ một người tên “Ph” (không rõ lai lịch) để mua ma túy ketamine và thuốc lắc với số tiền 4.800.000đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Sau đó, Tr, L, M, Hg rủ D, Đ và L đi đến khách sạn A chơi, khi đến nơi thì H xuống dẫn cả nhóm lên phòng 201, lúc này người tên “Ph” đem ma túy đến và liên hệ với L nhưng do L không có tiền nên Tr ứng ra trả trước số tiền 4.800.000 đồng. Tr chuyển tiền bằng ứng dụng Internet Banking từ tài khoản LE VAN TR, SỐ A đến tài khoản số B tên NGUYEN DUC TR rồi L đi lấy ma túy gồm 01 gói ketamine và 4 viên thuốc lắc về mang lên phòng 201, bỏ ra đĩa sứ để Tr lấy thẻ nhựa cà mìn Ketamine cho mọi người trong phòng cùng sử dụng. Đến khoảng 01h30 ngày 11/10/2021, khi Đ, H, Tr, L, M, H, Ph, D, Đ và L đang sử dụng ma túy và nghe nhạc thì bị Cơ quan Công an phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng.

Vật chứng thu giữ :

- Một lượng chất tinh thể màu trắng, trên chiếc đĩa sứ mà Nguyễn Thị Hồng Đ đang cầm trên tay, được thu gom vào một túi nilong màu trắng – trong một đầu có khóa dạng kẹp nhựa; 01 mảnh viên nén màu xanh tím, được thu giữ tại bàn trong phòng; 01 gói nilong màu trắng – trong, một đầu có khóa dạng kẹp nhựa có đường chỉ màu đỏ, bên trong có 01 viên nén màu xanh lá cây thu giữ trên bàn trong phòng

Tại Kết luận giám định số 1353/GĐ-PC09 ngày 18/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng xác định:

- **Phong bì 1:** Mẫu tinh thể (M1) được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng 1,1220 gam, loại Ketamine;

- **Phong bì 2:** Mẫu mảnh viên nén (M2) được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,2186 gam, loại MDMA;

- **Phong bì 3:** Mẫu viên nén (M3) được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,4456 gam, loại MDMA;

Ketamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT: 35, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018;

MDMA là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT: 27, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Vật chứng thu giữ chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng ngày 14/6/2022 gồm:

- 01 (một) phong bì niêm phong hoàn mẫu sau giám định; 01 (một) phong bì niêm phong bao gói sau giám định; 01 đĩa sứ hình tròn, bên trong có một thẻ nhựa màu xanh và 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền 10.000đồng, bên ngoài có bọc bằng 2 vò đầu lọc thuốc lá, đã được niêm phong; 01 loa màu đen có ký hiệu KPK; 01 đèn laser màu đen, hình hộp chữ nhật; 01 CPU máy tính và 01 màn hình máy tính; 01 chai nhựa hiệu COCACOLA đã sử dụng hết; 02 USB màu đen;

- 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Nguyễn Văn Đ; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu xanh bàn phím bấm; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, đã qua sử dụng. (Tạm giữ của Nguyễn Văn Đ).

- 01 thẻ CCCD tên Nguyễn Đức H; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu vàng đồng, mặt trước màn hình bị vỡ. (Tạm giữ của Nguyễn Đức H).

- 01 giấy chứng minh nhân dân tên Lê Văn Tr; 01 điện thoại hiệu Iphone6S Plus màu hồng, đã qua sử dụng; 01 điện thoại hiệu NOKIA màu đen, loại bàn phím. (Tạm giữ của Lê Văn Tr).

- 01 điện thoại hiệu NOKIA màu đen, đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng. (Tạm giữ của Nguyễn Văn L).

- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, phím bấm, phía sau có chữ, điện thoại đã qua sử dụng, nắp phía sau bị vỡ; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu đen, màn hình cảm ứng phía trước bị vỡ, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong. (Tạm giữ của Nguyễn Sỹ M).

- 01 điện thoại hiệu NOKIA, màu đen, loại phím bấm đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong. (Tạm giữ của Lê Văn H).

- 01 điện thoại Iphone 6S pLus màu Gool, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng; 01 điện thoại hiệu NOKIA màu đen, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng (tạm giữ của Nguyễn Thị Hồng Đ).

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong (tạm giữ của Cao Thị Ngọc L).

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu xanh, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong (tạm giữ của Lê Thị Phương D).

Số tiền thu giữ chuyển vào tài khoản của chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt gồm:

- 100.000đ (một trăm ngàn đồng) thu giữ của Lê Văn Tr theo giấy nộp tiền ngày 14/6/2022.

- 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) thu giữ của Nguyễn Sỹ M theo giấy nộp tiền ngày 14/6/2022.

- 660.000đ (sáu trăm sáu mươi ngàn đồng) thu giữ của Nguyễn Văn L theo giấy nộp tiền ngày 14/6/2022.

Trong vụ án này có các đối tượng đã bán ma túy cho Đ và L, Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch của của các đối tượng này nên tiếp tục điều tra, xác minh khi nào làm rõ sẽ xử lý bằng một vụ án khác.

Đối với Trần Thị Hạnh Ph, Lê Thị Phương D, Cao Ngọc L và Nguyễn Thị Hồng Đ là những đối tượng cùng sử dụng trái phép chất ma túy với các bị cáo. Quá trình điều tra xác định Ph, D, L và Đ được mời sử dụng ma túy và không góp sức vào việc chuẩn bị ma túy, địa điểm, công cụ, phương tiện để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy đối với Ph, D, L và Đ.

Đối với Phạm Thị Diệu Th, sinh năm 1991, là chủ khách sạn A ở đường A, phường B, thành phố C, là người cho bị cáo Đ mượn phòng khách A. Quá trình điều tra xác định khi Th cho Đ mượn khách sạn thì khách sạn đang đóng cửa để phòng chống dịch và thương không biết Đ mượn phòng để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên không có căn cứ để xử lý đối với Thg.

Tại Bản cáo trạng số 131/CT-VKS ngày 31/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Đức H, Nguyễn Sỹ M, Nguyễn Văn L, Lê Văn Tr và Lê Văn H về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định quy định tại điểm b, Khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phát biểu quan điểm vụ án, giữ nguyên bản cáo trạng truy tố bị cáo và đề nghị:

Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 255, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 20 Bộ luật Hình sự, bị cáo Lê Văn Tr và Lê Văn H được áp dụng thêm Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Sỹ M bị áp dụng thêm điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 09 đến 10 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/10/2021.

Bị cáo Nguyễn Sỹ M từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/10/2021.

Bị cáo Nguyễn Đức H từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/10/2021.

Bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Văn Tr và Lê Văn H mỗi bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/10/2021.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, đề nghị:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong hoàn mẫu sau giám định; 01 (một) phong bì niêm phong bao gói sau giám định; 01 đĩa sứ hình tròn, bên trong có một thẻ nhựa màu xanh đã được niêm phong; 01 chai nhựa hiệu COCACOLA đã sử dụng hết; 02 USB màu đen.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 loa màu đen có ký hiệu KPK; 01 đèn laser màu đen, hình hộp chữ nhật; 01 CPU máy tính và 01 màn hình máy tính; 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền 10.000đồng, bên ngoài có bọc bằng 2 vỏ đầu lọc thuốc lá, đã được niêm phong; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu vàng đồng, mặt trước màn hình bị vỡ của Nguyễn Đức H; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, đã qua sử dụng của Nguyễn Văn Đ; 01 điện thoại hiệu Iphone6S Plus màu hồng, đã qua sử dụng và 01 điện thoại hiệu NOKIA màu đen, loại bàn phím bấm của Lê Văn Tr; 01 điện thoại hiệu NOKIA màu đen, đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng của Nguyễn Văn L; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu đen, màn hình cảm ứng phía trước bị vỡ, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong của Nguyễn Sỹ M; 01 điện thoại hiệu NOKIA, màu đen, loại phím bấm đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong của Lê Văn H.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Nguyễn Văn Đ;

- Trả lại cho Nguyễn Văn Đ 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu xanh bàn phím bấm nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Sỹ M 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, phím bấm, phía sau có chữ, điện thoại đã qua sử dụng, nắp phía sau bị vỡ nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Trả lại cho Nguyễn Đức H 01 thẻ CCCD tên Nguyễn Đức H;

- Trả lại cho Lê Văn Tr 01 giấy chứng minh nhân dân tên Lê Văn Tr;
- Trả lại cho Nguyễn Thị Hồng Đ: 01 điện thoại Iphone 6S pLus màu Gool, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng; 01 điện thoại hiệu NOKIA màu đen, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng .
- Trả lại cho Cao Thị Ngọc L 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.
- Trả lại chị Lê Thị Phương D: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu xanh, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.
- Trả lại cho Nguyễn Sỹ M 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) theo giấy nộp tiền ngày 14/6/2022, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.
- Trả lại cho Nguyễn Văn L 660.000đ (sáu trăm sáu mươi ngàn đồng) theo giấy nộp tiền ngày 14/6/2022, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.
- Trả lại cho bị cáo Lê Văn Tr 100.000đ (một trăm ngàn đồng) theo giấy nộp tiền ngày 14/6/2022, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tại phiên tòa, bị cáo không thắc mắc, khiếu nại bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Ngày 09/10/2021, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Đức H bàn bạc với nhau về việc tổ chức sử dụng ma túy, sau đó Đ liên lạc với một đối tượng không rõ lai lịch mua 02 viên thuốc lắc và 01 gói Ketamine rồi Đ liên lạc với bạn hỏi mượn phòng khách sạn A ở đường A, phường B, thành phố C để ở nhờ. Đến chiều ngày 10/10/2021, Đ cùng H mang loa, đèn, máy vi tính tới phòng 202 khách sạn A để lắp đặt rồi Đ gọi thêm bạn gái là Trần Thị Hạnh Ph tới cùng sử dụng ma

túy. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Lê Văn Tr, Nguyễn Sỹ M, Nguyễn Văn L, Lê Văn H đang ngồi uống rượu tại quán A cùng với Lê Thị Phương D, Cao Ngọc L và Nguyễn Thị Hồng Đ ở đường A, phường B, thành phố C, trong lúc ngồi nhậu thì M rủ Tr, L, H cùng đi sử dụng ma túy thì tất cả đồng ý. Sau đó, Tr liên lạc với Đ để đặt chỗ tới sử dụng ma túy, còn L gọi điện cho một đối tượng tên Ph để hỏi mua 04 viên thuốc lắc và 01 gói ma túy Ketamine với giá 4.800.000 đồng thì Ph đồng ý, tiền mua ma túy thì Tr, L, M và H thống nhất sẽ chia đều với nhau nên Tr ứng tiền trước rồi chuyển số tiền này cho Ph để L đi lấy ma túy. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, M, Tr, L, H, D, L và Đ đi tới khách sạn June House thì Đức nói Huy xuống mở cửa dẫn cả nhóm lên phòng 201. Tại đây, Đ, H, Ph, M, Tr, L, H, D, L và Đ cùng nhau sử dụng ma túy đến 01 giờ 30 phút ngày 11/10/2021 thì bị Công an bắt quả tang.

Theo kết luận giám định số 1353/GĐ-PC09 ngày 18/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận các chất thu giữ là ma túy.

Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Đức H, Nguyễn Sỹ M, Nguyễn Văn L, Lê Văn Trọng và Lê Văn H phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b, Khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự như cáo trạng và kết luận của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức rõ hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm và nhận thức rõ tác hại của ma túy nhưng chỉ vì muốn thỏa mãn cơn nghiện cho bản thân các bị cáo bàn nhau mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Hành vi của các bị cáo làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, trị an xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm đến việc quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy và là nguyên nhân phát sinh nhiều tệ nạn xã hội khác nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, phù hợp với hành vi và hậu quả của các bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi cuộc sống cộng đồng một thời gian nhằm trừng trị, răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[2] Về vai trò của các bị cáo:

Các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn.

Đối với bị cáo Nguyễn Minh Đ là người cung cấp ma túy, chuẩn bị địa điểm, dụng cụ để phục vụ cho việc sử dụng ma túy, rủ rê bị cáo H, trực tiếp đổ ma túy ra đĩa và pha vào nước ngọt để 10 người cùng sử dụng nên cần áp dụng mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác.

Đối với Nguyễn Đức H là người cùng với bị cáo Đ bàn bạc việc tổ chức sử dụng ma túy, là người chuẩn bị loa, vi tính, thiết bị lưu trữ dữ liệu điện tử (USB) kết nối với máy vi tính để mở nhạc tạo cảm giác phấn khích cho 10 người cùng sử dụng ma túy nên cần áp dụng mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác, thấp hơn bị cáo Đ.

Đối với Nguyễn Sỹ M là khởi sướng, rủ rê Tr, L, H sử dụng ma túy và thống nhất việc góp tiền mua ma túy về tổ chức sử dụng, Nguyễn Sỹ M phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên áp dụng mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác và thấp hơn bị cáo Đ.

- Đối với Lê Văn Tr là người tìm kiếm địa điểm, cùng thống nhất việc góp tiền mua ma túy và trả tiền mua ma túy để 10 người cùng sử dụng ma túy. Đối với Nguyễn Văn L là người liên lạc và trực tiếp đi mua ma túy và cùng thống nhất việc góp tiền để mua ma túy cho 10 người cùng sử dụng. Đối với Lê Văn H là người bàn bạc và thống nhất góp tiền để mua ma túy cùng tổ chức sử dụng. Vai trò của các bị cáo này là ngang nhau nên cần áp dụng mức hình phạt bằng nhau và thấp hơn các bị cáo khác.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo thật thà khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Văn Tr có ông ngoại là người có công với cách mạng và Lê Văn H có ông nội là người có công với cách mạng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Sỹ M phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích thuộc trường hợp tái phạm, nên áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

[4] Về xử lý vật chứng:

Các vật chứng là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước, gồm:

01 loa màu đen có ký hiệu KPK; 01 đèn laser màu đen, hình hộp chữ nhật; 01 CPU máy tính và 01 màn hình máy tính; 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền 10.000đồng, bên ngoài có bọc bằng 2 vỏ đầu lọc thuốc lá, đã được niêm phong;

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu vàng đồng, mặt trước màn hình bị vỡ của Nguyễn Đức H;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, đã qua sử dụng của Nguyễn Văn Đ;

- 01 điện thoại hiệu Iphone6S Plus màu hồng, đã qua sử dụng và 01 điện thoại hiệu NOKIA màu đen, loại bàn phím bấm của Lê Văn Tr;

- 01 điện thoại hiệu NOKIA màu đen, đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng của Nguyễn Văn L;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu đen, màn hình cảm ứng phía trước bị vỡ, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong của Nguyễn Sỹ M;

- 01 điện thoại hiệu NOKIA, màu đen, loại phím bấm đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong của Lê Văn H.

- 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền 10.000đồng, bên ngoài có bọc bằng 2 vỏ đầu lọc thuốc lá, đã được niêm phong

Các vật chứng không còn giá trị sử dụng tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong hoàn mẫu sau giám định; 01 (một) phong bì niêm phong bao gói sau giám định; 01 đĩa sứ hình tròn, bên trong có một thẻ nhựa màu xanh; 01 chai nhựa hiệu COCACOLA đã sử dụng hết; 02 USB màu đen không có giá trị sử dụng tuyên tịch thu tiêu hủy.

Các vật chứng gồm: 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Nguyễn Văn Đ; 01 thẻ CCCD tên Nguyễn Đức H; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Lê Văn Tr; 01 điện thoại Iphone 6S pLus màu Gool, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng; 01 điện thoại hiệu NOKIA màu đen, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng tạm giữ của Nguyễn Thị Hồng Đ; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong tạm giữ của Cao Thị Ngọc L; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu xanh, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong tạm giữ của Lê Thị Phương D. Đây là giấy tờ tùy thân của các bị cáo và là tài sản của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không sử dụng vào việc phạm tội nên tuyên trả lại cho các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu xanh bàn phím bấm thu của Nguyễn Văn Đức và 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, phím bấm, phía sau có chữ, điện thoại đã qua sử dụng, nắp phía sau bị vỡ của Nguyễn Sỹ M là tài sản của các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên tuyên trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đối với số tiền 100.000đ (một trăm ngàn đồng) thu giữ của Lê Văn Tr theo giấy nộp tiền ngày 14/6/2022, 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) thu giữ của Nguyễn Sỹ M theo giấy nộp tiền ngày 14/6/2022, 660.000đ (sáu trăm sáu mươi ngàn đồng) thu giữ của Nguyễn Văn L theo giấy nộp tiền ngày 14/6/2022 các bị

cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên tuyên trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Đức H, Nguyễn Sỹ M, Nguyễn Văn L, Lê Văn Trọng và Lê Văn H phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 20 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Văn Tr và Lê Văn H được áp dụng thêm Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Sỹ M bị áp dụng thêm điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/10/2021.

Bị cáo Nguyễn Sỹ M 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/10/2021.

Bị cáo Nguyễn Đức H 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/10/2021.

Bị cáo Nguyễn Văn L 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/10/2021.

Bị cáo Lê Văn Tr 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/10/2021.

Bị cáo Lê Văn H 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/10/2021.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong hoàn mẫu sau giám định; 01 (một) phong bì niêm phong bao gói sau giám định; 01 đĩa sứ hình tròn, bên trong có một thẻ nhựa màu xanh đã được niêm phong; 01 chai nhựa hiệu COCACOLA đã sử dụng hết; 02 USB màu đen.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 loa màu đen có ký hiệu KPK; 01 đèn laser màu đen, hình hộp chữ nhật; 01 CPU máy tính và 01 màn hình máy tính; 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền 10.000đồng, bên ngoài có bọc bằng 2 vỏ đầu lọc thuốc lá, đã được niêm phong; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu

vàng đồng, mặt trước màn hình bị vỡ của Nguyễn Đức H; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, đã qua sử dụng của Nguyễn Văn Đ; 01 điện thoại hiệu Iphone6S Plus màu hồng, đã qua sử dụng và 01 điện thoại hiệu NOKIA màu đen, loại bàn phím bấm của Lê Văn Tr; 01 điện thoại hiệu NOKIA màu đen, đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng của Nguyễn Văn L; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu đen, màn hình cảm ứng phía trước bị vỡ, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong của Nguyễn Sỹ M; 01 điện thoại hiệu NOKIA, màu đen, loại phím bấm đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong của Lê Văn H.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Nguyễn Văn Đ.

- Trả lại cho Nguyễn Văn Đ 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu xanh bàn phím bấm nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Sỹ M 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, phím bấm, phía sau có chữ, điện thoại đã qua sử dụng, nắp phía sau bị vỡ nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức H 01 thẻ CCCD tên Nguyễn Đức H.

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn Tr 01 giấy chứng minh nhân dân tên Lê Văn Tr.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng Đ: 01 điện thoại Iphone 6S pLus màu Gool, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng và 01 điện thoại hiệu NOKIA màu đen, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng.

- Trả lại cho chị Cao Thị Ngọc L 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

- Trả lại chị Lê Thị Phương D: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu xanh, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

(Tất cả các vật chứng trên theo biên bản giao, nhận vật chứng sang Chi cục thi hành án dân sự ngày 14/6/2022)

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Sỹ M 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) theo giấy nộp tiền ngày 14/6/2022, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn L 660.000đ (sáu trăm sáu mươi ngàn đồng) theo giấy nộp tiền ngày 14/6/2022, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn Tr 100.000đ (một trăm ngàn đồng) theo giấy nộp tiền ngày 14/6/2022, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Đức H, Nguyễn Sỹ M, Nguyễn Văn L, Lê Văn Tr và Lê Văn H mỗi người phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Công an thành phố Đà Lạt;
- THA thành phố Đà Lạt;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA phạt tù;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hà Vân Hồng